TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 9 - 2019
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nghịch, ông Lý Viết Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 257/2019/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1971, có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1969, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Qúa trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn D và bà Võ Thị Mỹ H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì ông D và bà H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không hiểu nhau, vợ chồng không có được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay, ông bà đã sống ly thân được hơn 01 năm. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên ông D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Võ Thị Mỹ H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống vợ chồng ông bà có 03 con chung là: Trần Duy T, sinh ngày 23/8/1990; Trần Duy K, sinh ngày 24/4/1992; Trần Lệ Kim A, sinh ngày 12/3/1995.

Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Mỹ H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ H thừa nhận chung sống với ông Trần Văn D như vợ chồng từ năm 1989 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qúa trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, ông D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Trần Văn D thì bà H đồng ý.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng ông bà có 03 con chung là: Trần Duy T, sinh ngày 23/8/1990; Trần Duy K, sinh ngày 24/4/1992; Trần Lệ Kim A, sinh ngày 12/3/1995.

Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn D giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Võ Thị Mỹ H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn D và bà Võ Thị Mỹ H là vợ chồng.

Về con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trần Văn D, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là "Không công nhận vợ chồng" được quy định tại khoản 1, 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Trần Văn D làm đơn khởi kiện, bị đơn bà Võ Thị Mỹ H cư trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Mỹ H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Trần Văn D và bị đơn bà Võ Thị Mỹ H đều thừa nhận đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông D và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên ông D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông D và bà H là vợ chồng, là phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng ông bà có 03 con chung là: Trần Duy T, sinh ngày 23/8/1990; Trần Duy K, sinh ngày 24/4/1992; Trần Lệ Kim A, sinh ngày 12/3/1995.

Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xét thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn D và bà Võ Thị Mỹ H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Trần Văn D và bà Võ Thị Mỹ H có 03 con chung là: Trần Duy T, sinh ngày 23/8/1990; Trần Duy K, sinh ngày 24/4/1992; Trần Lệ Kim A, sinh ngày 12/3/1995. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000407 ngày 19/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ông Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Võ Thị Mỹ H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *THADS huyện K;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang

Quá trinh tố tụng Tòa án có mời các cháu đến lấy ý kiến, nguyện vọng của

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**